

BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA THƯỜNG XUYỀN

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003	<i>lu</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003	<i>Duyen</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003	<i>Giang</i>	8.5	Tám phẩy năm	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003	<i>Ha</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002	<i>HongHanh</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003	<i>Ha</i>	9.0	chín phẩy không	C23KT1	
7	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003	<i>Huong</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
8	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003	<i>Mi</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
9	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003	<i>Mi</i>	8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
10	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003	<i>Moi</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
11	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003	<i>Ngan</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
12	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003	<i>Ngan</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
13	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003	<i>Ngoc</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003	<i>Nhan</i>	9.0	chín phẩy không	C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003	<i>Nhi</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
16	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003	<i>Nhi</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
17	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003	<i>Nhi</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
18	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003	<i>Nhung</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
19	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003	<i>Nhung</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
20	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003	<i>Phuc</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
21	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995	<i>Phuoc</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
22	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003	<i>Quyên</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
23	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003	<i>Thi</i>	9.0	chín phẩy không	C23KT1	
24	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003	<i>Thuy</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
25	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003	<i>Thi</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
26	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999	<i>Tien</i>	6.0	Sáu phẩy không	C23KT2	
27	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999	<i>Trang</i>	7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
28	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003	<i>Vy</i>	9.0	chín phẩy không	C23KT2	
29	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003	<i>Vy</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
30	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003	<i>Vy</i>	9.0	chín phẩy không	C23KT1	
31	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003	<i>Vy</i>	8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
32	2110110023	Mai Thị Hương Yên	16/09/2002	<i>Yen</i>	9.0	chín phẩy không	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 0 . Số bài thi: 32 / 32 .

Số sinh viên đạt/không đạt: 32 / _____

Tỷ lệ đạt: 100, _____ %

Ngày 12 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

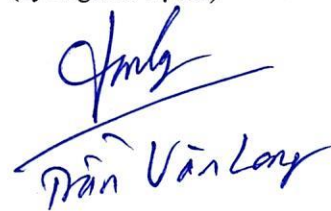


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 12 tháng 11 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



BẢNG ĐIỂM KIỂM TRA ĐỊNH KỲ

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Giám thị 1: _____ Ký tên: _____

Mã lớp học phần: MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giám thị 2: _____ Ký tên: _____

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long - (04085)

Giám thị 3: _____ Ký tên: _____

Ngày thi: _____ Giờ thi: _____ Phòng thi: _____

Giám thị 4: _____ Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003		8.5	Tám phẩy không	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
7	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003		8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
8	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003		8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
9	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
10	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
11	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
12	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
13	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003		8.0	Tám phẩy không	C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
16	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
17	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
18	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
19	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
20	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003		8.0	Tám phẩy không	C23KT1	
21	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
22	2110110008	Nguyễn Kim Quyên	30/05/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
23	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
24	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
25	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
26	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999		7.0	Bảy phẩy không	C23KT2	
27	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	
28	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT2	
29	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
30	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003		7.0	Bảy phẩy không	C23KT1	
31	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003		8.5	Tám phẩy năm	C23KT2	
32	2110110023	Mai Thị Hương Yến	16/09/2002		8.5	Tám phẩy năm	C23KT1	

Lưu ý: Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

Tổng số sinh viên dự thi : 32 vắng thi: 0 . Số bài thi: 32 / 32 .
Số sinh viên đạt/không đạt: 32 / 0 Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày 11 tháng 11 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

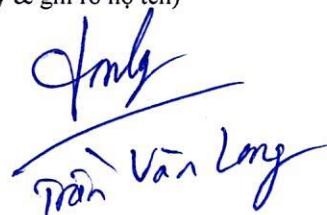


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày 12 tháng 11 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

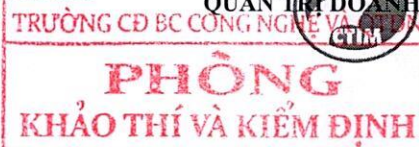
(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Văn Long

TR

KH



BẢNG ĐIỂM THI CUỐI KỲ - LẦN 1

Học kỳ 1 - Năm học : 2022-2023

Môn học : Kế toán doanh nghiệp sản xuất 2 - MH1104121

Mã lớp học phần: MH110412101

Số tín chỉ: 3

Giảng viên giảng dạy: Trần Văn Long

Ngày thi: 21/11/2022

Giờ thi: 07h45

Phòng thi: A1.12

Giám thị 1: Trần Thu Hà

Ký tên: Trần Thu Hà

Giám thị 2: Trần Thị Ngọc Thu

Ký tên: Trần Thị Ngọc Thu

Giám thị 3: Lê Trung Sơn

Ký tên: Lê Trung Sơn

Giám thị 4: _____

Ký tên: _____

STT	Mã SV	Họ và tên	Ngày sinh	Chữ ký	Số tờ	Điểm số	Điểm chữ	Mã lớp	Ghi chú
1	2110110041	Phạm Ngọc Trâm Anh	24/07/2003	<u>h</u>		5,0	Năm, không	C23KT2	
2	2110110039	Bùi Đặng Mỹ Duyên	09/05/2003	<u>Duyên</u>		6,0	Sau, không	C23KT2	
3	2110110048	Hà Thị Trúc Giang	08/07/2003	<u>Giang</u>		8,5	Tam, năm	C23KT2	
4	2110110038	Nguyễn Ngọc Hà	24/09/2003	<u>Hà</u>		5,5	Năm, năm	C23KT2	
5	2110110036	Lê Hồng Hạnh	21/04/2002	<u>Hạnh</u>		6,5	Sau, năm	C23KT2	
6	2110110004	Nguyễn Thị Ngọc Hân	01/12/2003	<u>Hân</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
7	2110110033	Đỗ Thị Thanh Hương	13/12/2003	<u>Hương</u>		8,5	Tam, năm	C23KT1	
8	2110110006	Nguyễn Thị Kiều Mi	12/07/2003	<u>Mi</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
9	2110110020	Nguyễn Thị Trà Mi	12/06/2003	<u>Mi</u>		8,5	Tam, năm	C23KT1	
10	2110110018	Phan Ngọc Muội	17/05/2003	<u>Muội</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
11	2110110010	Dương Thị Thu Ngân	07/08/2003	<u>Ngân</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
12	2110110051	Nguyễn Hải Ngân	09/11/2003	<u>Ngân</u>		8,0	Tam, không	C23KT2	
13	2110110050	Dương Thị Bé Ngọc	22/09/2003	<u>Ngọc</u>		8,0	Tam, không	C23KT2	
14	2110110044	Nguyễn Hoàng Nhân	06/02/2003	<u>Nhân</u>		7,5	Bay, không	C23KT2	
15	2110110034	Đặng Lê Uyên Nhi	20/09/2003	<u>Nhi</u>		5,5	Năm, năm	C23KT1	
16	2110110029	Nguyễn Huỳnh Khánh Nhi	06/10/2003	<u>Nhi</u>		5,0	Năm, không	C23KT1	
17	2110110054	Nguyễn Yến Nhi	18/10/2003	<u>Nhi</u>		7,0	Bay, không	C23KT2	
18	2110110014	Lê Thị Tuyết Nhung	28/10/2003	<u>Nhung</u>		8,5	Tam, năm	C23KT1	
19	2110110027	Ngô Thị Hồng Nhung	16/04/2003	<u>Nhung</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
20	2110110011	Huỳnh Thị Hồng Phúc	18/11/2003	<u>Phúc</u>		6,0	Sau, không	C23KT1	
21	2110110001	Nguyễn Bích Minh Phương	03/02/1995	<u>Phương</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
22	2110110008	Nguyễn Kim Uyên	30/05/2003	<u>Uyên</u>		7,5	Bay, năm	C23KT1	
23	2110110005	Trần Thị Hoàng Thơ	03/08/2003	<u>Thơ</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
24	2110110046	Trần Nguyễn Ngọc Thủy	15/06/2003	<u>Thủy</u>		7,5	Bay, năm	C23KT2	
25	2110110024	Vũ Minh Thư	29/10/2003	<u>Thư</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
26	2110110055	Lê Quang Tiến	07/01/1999	<u>Tiến</u>		7,5	Bay, năm	C23KT2	
27	2110110002	Võ Thị Thu Trang	27/06/1999	<u>Trang</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
28	2110110037	Bùi Thị Khánh Vy	26/07/2003	<u>Vy</u>		8,0	Tam, không	C23KT2	
29	2110110022	Đoàn Phạm Thanh Vy	27/02/2003	<u>Vy</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
30	2110110025	Nguyễn Lê Khánh Vy	15/09/2003	<u>Vy</u>		8,0	Tam, không	C23KT1	
31	2110110047	Nguyễn Tường Vy	13/12/2003	<u>Vy</u>		8,0	Tam, không	C23KT2	
32	2110110023	Mai Thị Hương Yên	16/09/2002	<u>Yên</u>		9,0	Chín, không	C23KT1	

Lưu ý: - Sinh viên chưa đóng học phí không được kiểm tra giữa kỳ và thi kết thúc học phần.

- Trường không công nhận điểm đối với trường hợp GV, CBCT ghi thêm tên SV vào bảng điểm.

Tổng số sinh viên dự thi: 32 vắng thi: 0 . Số bài thi/Số tờ: 32 / 32 .

Số sinh viên đạt: 92

Tỷ lệ đạt: 100 %

Ngày: 5 tháng 12 năm 2022

TRƯỞNG KHOA/ BỘ MÔN

(ký & ghi rõ họ tên)

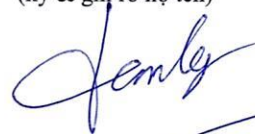


ThS. Hồ Thiện Thông Minh

Ngày: 25 tháng 11 năm 2022

GIÁO VIÊN CHẤM THI

(ký & ghi rõ họ tên)



Trần Văn Long

